

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

Số 273, Phố Kim Mã, Phường Giảng Võ,  
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 23

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**

Số 273, Phố Kim Mã, Phường Giảng Võ,  
Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Minh Chung	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch
Ông Lê Minh Thành	Phó Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Tiến	Thành viên
Bà Lê Thanh Hà	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Thành viên
Bà Vũ Thị Quỳnh Trang	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Kim Hà	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Minh Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Tiến	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Nguyễn Kim Hà**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2018

Số: 289 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 8 năm 2018, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0030-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>604.369.055.122</b>	<b>486.051.414.417</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>22.571.380.216</b>	<b>24.625.772.795</b>
1. Tiền	111		10.424.111.534	8.625.772.795
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.147.268.682	16.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>513.929.409.225</b>	<b>432.570.499.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	513.929.409.225	432.570.499.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>65.966.049.866</b>	<b>28.532.260.384</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.568.236.893	15.574.832.073
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	8.276.666.210	958.367.182
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	44.121.146.763	11.999.061.129
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.820.291.772</b>	<b>322.882.238</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.820.291.772	322.882.238
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>81.924.043</b>	-
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		81.924.043	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>385.006.693.353</b>	<b>415.976.055.011</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>636.530.000</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	636.530.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.886.589.295</b>	<b>8.846.136.615</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	8.886.589.295	8.846.136.615
- Nguyên giá	222		25.162.543.462	25.369.562.998
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.275.954.167)	(16.523.426.383)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>10</b>	<b>52.081.023.356</b>	<b>52.590.865.310</b>
- Nguyên giá	231		75.073.874.192	73.727.349.474
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(22.992.850.836)	(21.136.484.164)
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>300.646.705.597</b>	<b>327.646.705.597</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5	285.774.104.867	285.774.104.867
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	1.872.600.730	1.872.600.730
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5	13.000.000.000	40.000.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22.755.845.105</b>	<b>26.892.347.489</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	22.755.845.105	26.892.347.489
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>989.375.748.475</b>	<b>902.027.469.428</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>54.486.164.887</b>	<b>44.392.211.916</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>44.990.123.643</b>	<b>44.392.211.916</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	737.795.257	635.757.594
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	7.910.720.459	690.677.178
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.547.297.436	1.173.730.015
4. Phải trả người lao động	314		967.103.739	1.782.136.600
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	21.990.902.044	21.656.358.205
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	16	5.555.136.706	3.238.958.292
7. Phải trả ngắn hạn khác	319		4.919.800.075	11.788.824.243
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	2.300.000.000
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		361.367.927	1.125.769.789
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.496.041.244</b>	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	9.493.115.900	-
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	2.925.344	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>934.889.583.588</b>	<b>857.635.257.512</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>934.889.583.588</b>	<b>857.635.257.512</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		748.000.000.000	748.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.231.896.222	1.231.896.222
3. Cổ phiếu quỹ	415		(26.400.000)	(26.400.000)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		185.684.087.366	108.429.761.290
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		108.429.761.290	12.203.140.997
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		77.254.326.076	96.226.620.293
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>989.375.748.475</b>	<b>902.027.469.428</b>

  
Trương Thị Phượng  
Người lập biểu

  
Vũ Thị Bình  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Kim Hà  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>62.189.246.839</b>	<b>74.870.167.290</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>62.189.246.839</b>	<b>74.870.167.290</b>
4. Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	22	45.540.292.907	57.395.842.607
<b>5. Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>16.648.953.932</b>	<b>17.474.324.683</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	76.274.165.749	79.871.397.644
7. Chi phí tài chính	22		-	81.053.401
8. Chi phí bán hàng	25	25	3.724.022.869	4.459.276.865
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	8.339.496.438	11.237.196.623
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))</b>	<b>30</b>		<b>80.859.600.374</b>	<b>81.568.195.438</b>
11. Thu nhập khác	31		300.430.716	236.796.000
12. Chi phí khác	32		136.486.973	69.673.815
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>163.943.743</b>	<b>167.122.185</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>81.023.544.117</b>	<b>81.735.317.623</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	26	3.766.292.697	2.757.707.859
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18	2.925.344	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>77.254.326.076</b>	<b>78.977.609.764</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>27</b>	<b>1.033</b>	<b>1.056</b>

  
Trương Thị Phương  
Người lập biểu

  
Vũ Thị Bình  
Kế toán trưởng

  
  
Nguyễn Kim Hà  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>81.023.544.117</b>	<b>81.735.317.623</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	2.704.606.703	2.734.432.998
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.077.614.142)	70.113.721
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(75.352.329.036)	(79.839.228.660)
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>7.298.207.642</b>	<b>4.700.635.682</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(6.879.013.844)	(13.112.812.387)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.497.409.534)	(260.823.778)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	9.925.832.175	7.707.783.040
Thay đổi chi phí trả trước	12	4.136.502.384	4.212.393.638
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.836.695.383)	(1.424.424.707)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(764.401.862)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>9.383.021.578</b>	<b>1.822.751.488</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(2.371.258.182)	-
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	291.818.182	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(326.659.820.225)	(92.768.033.333)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	273.282.915.000	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	44.003.131.615	75.656.140.837
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(11.453.213.610)</b>	<b>(17.111.892.496)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(23.400.075.811)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>(23.400.075.811)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(2.070.192.032)</b>	<b>(38.689.216.819)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>24.625.772.795</b>	<b>195.522.949.466</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	15.799.453	(67.441.471)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>22.571.380.216</b>	<b>156.766.291.176</b>

  
Trương Thị Phượng  
Người lập biểu

  
Vũ Thị Bình  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Kim Hà  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000248 ngày 20 tháng 10 năm 2005, thay đổi lần thứ 02 ngày 06 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty TNHH MTV Du lịch Dịch vụ Hà Nội chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần với tên gọi Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100107155 ngày 15 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, với vốn điều lệ là 748.000.000.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 là 93 (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 108).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm kinh doanh lữ hành quốc tế và nội địa; kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); kinh doanh vận chuyển khách du lịch và hàng hóa; kinh doanh ăn uống, đặc sản cao cấp và bình dân (không bao gồm kinh doanh quán bar); hướng dẫn du lịch, phiên dịch; dịch vụ thông tin (trừ loại thông tin Nhà nước cấm); dịch vụ vui chơi, giải trí, xông hơi xoa bóp (không bao gồm châm cứu, day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền); kinh doanh cho thuê văn phòng, nhà ở cho các đối tượng trong và ngoài nước; kinh doanh thương mại xuất nhập khẩu tổng hợp; lập dự án, đầu tư xây dựng và quản lý khu du lịch, khách sạn, khu đô thị, trung tâm thương mại dịch vụ; các loại dịch vụ khác: cho thuê hoạt động (nấu ăn, phiên dịch, lái xe); tổ chức hội nghị, hội thảo, kinh doanh hàng lưu niệm, tranh ảnh nghệ thuật, mỹ phẩm cao cấp; may đo, giặt là, cắt uốn tóc, chăm sóc sắc đẹp, trang điểm (không bao gồm các dịch vụ gây chảy máu).

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh dịch vụ du lịch và dịch vụ liên quan.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
1	Trung tâm Lữ hành	Số 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội	Dịch vụ du lịch
2	Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh	Số 54 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ du lịch
3	Xí nghiệp Dịch vụ Du lịch	Số 98 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Kinh doanh ăn uống và dịch vụ khác
4	Trung tâm Dịch vụ, Đại lý vé máy bay	Số 102 Hàng Trống, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Đại lý vé máy bay

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết sau:

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Hoạt động kinh doanh chính</b>
<b>Công ty liên doanh</b>			
1	Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	D8 Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
2	Công ty TNHH Global Toserco	Số 40 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
<b>Công ty liên kết</b>			
1	Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Số 269 Kim Mã, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội	Kinh doanh khách sạn

### **Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính giữa niên độ**

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trình bày trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu trình bày trên báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty.

## **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2018.

## **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

### **Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

### **Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

### **Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<b>Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/6/2018 (Số năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 6
Tài sản cố định khác	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

### **Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

### **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 30 năm.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp và các khoản chi phí trả trước khác.

Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ trong thời gian 5 năm vào chi phí sản xuất kinh doanh khi Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản trên bảng cân đối kế toán với cơ sở tính thuế thu nhập.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối kỳ</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu kỳ</u> <b>VND</b>
Tiền mặt	70.964.863	64.093.502
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.353.146.671	8.561.679.293
Các khoản tương đương tiền (*)	12.147.268.682	16.000.000.000
	<b><u>22.571.380.216</u></b>	<b><u>24.625.772.795</u></b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất từ 4,1%/năm đến 5,5%/năm.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
a1) Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	513.929.409.225	513.929.409.225	432.570.499.000	432.570.499.000
a2) Dài hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	13.000.000.000	13.000.000.000	40.000.000.000	40.000.000.000

(\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất từ 5,1%/năm đến 7,88%/năm.

(\*\*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, tiền gửi có kỳ hạn dài hạn phản ánh khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với lãi suất 6,6%/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>b1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty TNHH Global Toserco	209.672.714.716	-	209.672.714.716	-
Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	61.365.277.633	-	61.365.277.633	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	14.736.112.518	-	14.736.112.518	-
<b>b2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	1.872.600.730	-	1.872.600.730	-
	<b>287.646.705.597</b>	<b>-</b>	<b>287.646.705.597</b>	<b>-</b>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, giá gốc các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là giá trị đánh giá lại được phê duyệt theo Quyết định số 7189/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2014 của UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa của Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Hà Nội và sau đó, các khoản đầu tư này được Công ty định giá lại theo hướng dẫn của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần ("Nghị định 59"), Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59 và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán và Công ty cũng chưa thu thập được các thông tin đáng tin cậy khác để xác định giá trị hợp lý, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

THUYẾT MINH



**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết và công ty nhận đầu tư khác của Công ty như sau:

<b>Tên công ty nhận đầu tư</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>	<b>Tỷ lệ góp vốn</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	Việt Nam	50,00%	29,58%	Kinh doanh khách sạn
Công ty TNHH Global Toserco	Việt Nam	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Sao Phương Đông	Việt Nam	40,00%	40,00%	Kinh doanh khách sạn
Công ty Cổ phần Hanoitourist Taxi	Việt Nam	5,20%	5,20%	Kinh doanh vận tải

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu kỳ VND</b>
Công ty TNHH Yamaha Việt Nam	2.006.481.348	973.361.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	1.627.930.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Song Linh	1.256.734.530	1.243.680.130
Program for Appropriate Technology in Health (PATH)	1.139.996.900	555.769.192
Công ty TNHH Ericsson Việt Nam	-	7.195.475.000
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.537.094.115	5.606.546.751
	<b>13.568.236.893</b>	<b>15.574.832.073</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối kỳ VND</b>	<b>Số đầu kỳ VND</b>
Công ty Cổ phần Địa chính Hà Nội	692.246.000	692.246.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Ngôi sao đỏ	621.969.335	-
Doanh nghiệp tư nhân Tổ hợp 3D-Group	588.126.000	-
Chi nhánh Khách sạn Mường Thanh Cửa Lò - Doanh nghiệp tư nhân Xây dựng số 1 tỉnh Điện Biên	587.000.000	-
Công ty TNHH Indochina Travel	504.432.500	-
Các khoản trả trước cho người bán ngắn hạn khác	5.282.892.375	266.121.182
	<b>8.276.666.210</b>	<b>958.367.182</b>



**8. PHẢI THU NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Phải thu về lãi tiền gửi	12.064.662.234	10.780.839.951
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	58.172.250	701.618.000
Tạm ứng cho nhân viên	511.045.000	48.866.400
Phải thu lợi nhuận được chia từ Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel	29.909.597.709	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.577.669.570	467.736.778
	<b>44.121.146.763</b>	<b>11.999.061.129</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược dài hạn	636.530.000	-
	<b>636.530.000</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH DỊCH VỤ HÀ NỘI**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

**9. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số đầu kỳ	7.003.446.421	17.096.963.577	1.231.753.000	37.400.000	25.369.562.998
Tặng do mua mới	-	-	2.371.258.182	-	2.371.258.182
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(1.346.524.718)	-	-	-	(1.346.524.718)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.231.753.000)	-	(1.231.753.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.656.921.703</b>	<b>17.096.963.577</b>	<b>2.371.258.182</b>	<b>37.400.000</b>	<b>25.162.543.462</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số đầu kỳ	1.618.457.669	13.793.622.991	1.073.945.723	37.400.000	16.523.426.383
Khấu hao trong kỳ	115.828.500	970.289.304	77.936.807	-	1.164.054.611
Phân loại sang bất động sản đầu tư	(315.814.580)	-	-	-	(315.814.580)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.095.712.247)	-	(1.095.712.247)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.418.471.589</b>	<b>14.763.912.295</b>	<b>56.170.283</b>	<b>37.400.000</b>	<b>16.275.954.167</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số đầu kỳ	5.384.988.752	3.303.340.586	157.807.277	-	8.846.136.615
Số cuối kỳ	4.238.450.114	2.333.051.282	2.315.087.899	-	8.886.589.295

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, nguyên giá của các tài sản cổ định hữu hình đã hết khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 70.203.636 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 70.203.636 VND).

**10. TẶNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, số tăng, giảm nguyên giá và khấu hao lũy kế của bất động sản đầu tư thể hiện giá trị được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình tương ứng với diện tích cho thuê của các tòa nhà, văn phòng cho thuê thuộc sở hữu của Công ty tại thành phố Hà Nội.

**Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư**

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu kỳ</u> <b>VND</b>
Lợi thế kinh doanh (i)	22.629.190.028	26.806.886.649
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	126.655.077	85.460.840
	<b><u>22.755.845.105</u></b>	<b><u>26.892.347.489</u></b>

(i) Phản ánh lợi thế kinh doanh phát sinh khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Khoản lợi thế kinh doanh này sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong vòng 5 năm khi Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Giá trị đã được phân bổ vào chi phí trong kỳ là 4.177.696.621 VND (kỳ trước: 4.177.696.620 VND).

**12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u> <b>VND</b>	<u>Số có khả năng trả nợ</u> <b>VND</b>	<u>Giá trị</u> <b>VND</b>	<u>Số có khả năng trả nợ</u> <b>VND</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vận tải Du lịch CAM	310.600.000	310.600.000	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Kim Ngân Hà	169.900.000	169.900.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	257.295.257	257.295.257	635.757.594	635.757.594
	<b><u>737.795.257</u></b>	<b><u>737.795.257</u></b>	<b><u>635.757.594</u></b>	<b><u>635.757.594</u></b>

**13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối kỳ</u> <b>VND</b>	<u>Số đầu kỳ</u> <b>VND</b>
Công ty Honda Việt Nam	1.208.990.550	-
Công ty Cổ phần Ba An	1.372.679.800	-
International Study Programs, s.r.o	1.107.617.749	690.605.441
Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	4.221.432.360	71.737
	<b><u>7.910.720.459</u></b>	<b><u>690.677.178</u></b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp/bù trừ trong kỳ	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	108.592.815	3.932.857.499	3.441.953.464	599.496.850
Thuế thu nhập cá nhân	49.986.628	185.201.269	232.135.197	3.052.700
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.015.150.572	3.766.292.697	2.836.695.383	1.944.747.886
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	3.306.746.710	3.306.746.710	-
Các loại thuế khác	-	17.000.000	17.000.000	-
	<b>1.173.730.015</b>	<b>11.208.098.175</b>	<b>9.834.530.754</b>	<b>2.547.297.436</b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền lãi phải trả cho các nhà đầu tư (i)	18.805.975.243	18.805.975.243
Chi phí phải trả về các hợp đồng du lịch	771.571.525	1.026.698.278
Chi phí phải trả khác	2.413.355.276	1.823.684.684
	<b>21.990.902.044</b>	<b>21.656.358.205</b>

(i) Công ty ghi nhận tiền lãi phải trả cho các nhà đầu tư theo quy định của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

**16. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn phản ánh tiền cho thuê văn phòng mà Công ty đã nhận trước nhưng chưa cung cấp dịch vụ cho khách hàng.

**17. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác phản ánh các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn cho các hợp đồng cho thuê văn phòng mà Công ty đã nhận.

**18. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

	<u>Số cuối kỳ</u> VND	<u>Số đầu kỳ</u> VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	2.925.344	-
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>	<b>2.925.344</b>	<b>-</b>

**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u> VND	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u> VND	<u>Cổ phiếu quỹ</u> VND	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> VND	<u>Tổng</u> VND
<b>Số dư tại ngày 31/12/2016</b>	<b>748.000.000.000</b>	<b>1.231.896.222</b>	<b>-</b>	<b>14.265.325.745</b>	<b>763.497.221.967</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	96.226.620.293	96.226.620.293
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.426.532.574)	(1.426.532.574)
Trích quỹ thưởng Ban điều hành	-	-	-	(635.652.174)	(635.652.174)
Mua lại cổ phiếu từ cán bộ, nhân viên	-	-	(26.400.000)	-	(26.400.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2017</b>	<b>748.000.000.000</b>	<b>1.231.896.222</b>	<b>(26.400.000)</b>	<b>108.429.761.290</b>	<b>857.635.257.512</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	77.254.326.076	77.254.326.076
<b>Số dư tại ngày 30/6/2018</b>	<b>748.000.000.000</b>	<b>1.231.896.222</b>	<b>(26.400.000)</b>	<b>185.684.087.366</b>	<b>934.889.583.588</b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>		
+) Cổ phiếu phổ thông	74.800.000	74.800.000
<b>Số lượng cổ phiếu quỹ</b>		
+) Cổ phiếu phổ thông	2.000	2.000
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>		
+) Cổ phiếu phổ thông	74.798.000	74.798.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100107155 ngày 15 tháng 3 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ của Công ty là 748.000.000.000 VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND		VND	
Tổng Công ty Du lịch Hà Nội	338.030.000.000	45,2%	338.030.000.000	45,2%
Công ty Cổ phần Phát triển TN	200.000.000.000	26,7%	200.000.000.000	26,7%
Các cổ đông khác	209.970.000.000	28,1%	209.970.000.000	28,1%
	<b>748.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>748.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại	Đơn vị	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
Đô la Mỹ	USD	3.888.648,45		3.856.490,08	
Euro	EUR	294,58		300,04	

**21. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cho thuê văn phòng	23.543.142.565	22.711.638.895
Doanh thu vận hành tour du lịch	22.312.914.948	36.635.961.874
Doanh thu từ đại lý vé máy bay	16.333.189.326	15.522.566.521
	<b>62.189.246.839</b>	<b>74.870.167.290</b>

**22. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn cho thuê văn phòng	9.932.989.843	9.059.146.025
Giá vốn vận hành tour du lịch	20.885.767.353	34.434.930.401
Giá vốn từ đại lý vé máy bay	14.721.535.711	13.901.766.181
	<b>45.540.292.907</b>	<b>57.395.842.607</b>

**23. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	65.690.500	225.463.210
Chi phí nhân công	6.415.161.805	9.664.986.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2.704.606.703	2.734.432.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.253.891.596	57.158.583.404
Chi phí bằng tiền khác	9.164.461.610	3.308.850.383
	<b>57.603.812.214</b>	<b>73.092.316.095</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	14.128.064.828	11.201.951.585
Cổ tức, lợi nhuận được chia	61.068.486.779	68.637.277.075
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.077.614.142	28.750.477
Khác	-	3.418.507
	<b>76.274.165.749</b>	<b>79.871.397.644</b>

**25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân công	3.383.049.639	3.460.229.444
Chi phí khấu hao	8.399.082	8.399.082
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.987.893	821.780.298
Chi phí bằng tiền khác	188.586.255	168.868.041
	<b>3.724.022.869</b>	<b>4.459.276.865</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân công	3.032.112.166	6.064.424.006
Chi phí khấu hao	174.385.079	215.192.520
Chi phí khác	5.132.999.193	4.957.580.097
	<b>8.339.496.438</b>	<b>11.237.196.623</b>

**26. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của kỳ này được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u> <b>VND</b>	<u>Kỳ trước</u> <b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	81.023.544.117	81.735.317.623
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	90.008.583	690.498.746
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ	90.008.583	612.697.212
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	77.801.534
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	(62.146.100.921)	(68.637.277.075)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(61.068.486.779)	(68.637.277.075)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(1.077.614.142)	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện được mang sang	(135.988.294)	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>18.831.463.485</b>	<b>13.788.539.294</b>
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>3.766.292.697</b>	<b>2.757.707.859</b>

Trong kỳ, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



**27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)</b>	<b>77.254.326.076</b>	<b>78.977.609.764</b>
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	77.254.326.076	78.977.609.764
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ (Cổ phiếu)	74.798.000	74.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>1.033</b>	<b>1.056</b>

**28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập Ban Điều hành được hưởng trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban Điều hành	961.884.284	1.080.840.000

**29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm 29.909.597.709 VND, là số lợi nhuận được chia từ Công ty Liên doanh Khách sạn TNHH Hà Nội Hotel nhưng chưa nhận được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.



**Trương Thị Phượng**  
Người lập biểu



**Vũ Thị Bình**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Kim Hà**  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2018